

CÔNG TY TNHH NICHINAN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NICHINAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NICHINAN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NICHINAN

2. Mã số doanh nghiệp: 0109553411

3. Ngày thành lập: 16/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu Vệ Lãng - Cây Sung, Thôn Tháp Thượng, Xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0397843638

Fax:

Email: nichinan.vn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
2.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa ; môi giới hàng hóa	4610
4.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
5.	Xây dựng công trình thủy	4291
6.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
7.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
8.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hóa chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4299
10.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
11.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

12.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
14.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
15.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
17.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
19.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
21.	Bán buôn đồ uống	4633
22.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn trang thiết bị y tế - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4669
24.	Bán buôn tổng hợp	4690
25.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
26.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
27.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
30.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
31.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

32.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;(Luật Dược năm 2016) - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
33.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh các loại vàng, tiền, kim khí và các hàng hóa nhà nước cấm)	4773
34.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
35.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
36.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
38.	Cơ sở lưu trú khác	5590
39.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản (Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
40.	Quảng cáo	7310
41.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
42.	Đại lý du lịch	7911
43.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế.(Luật du lịch năm 2017)	7912
44.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Gửi hàng; Logistics. - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa; (trừ hoạt động dịch vụ liên quan hàng không)	5229
47.	Chuyển phát	5320
48.	Lập trình máy vi tính	6201
49.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

50.	Cổng thông tin Chi tiết: - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Điều 24 Nghị định 72/2013/NĐ-CP) - Thiết lập mạng xã hội Điều 25 Nghị định 72/2013/NĐ-CP) (trừ hoạt động báo chí)	6312
51.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.	6399
52.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán)	6619
53.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
54.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
55.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511
56.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn các loại hải sản	4632
57.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
58.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
59.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
60.	Khai thác thủy sản biển	0311
61.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đá lạnh, đá xây dựng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	3290
62.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
63.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
64.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
65.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
66.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (loại hoạt động dịch vụ nhà nước cấm)	9329
67.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
68.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, (Luật Kinh doanh bất động sản)	6810
69.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

70.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
71.	Đúc sắt, thép	2431
72.	Đúc kim loại màu	2432
73.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
74.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
75.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
76.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
77.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
78.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
79.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
80.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
81.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
82.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
83.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
84.	Sản xuất đồng hồ	2652
85.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
86.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
87.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
88.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
89.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
90.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
91.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
92.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại Chi tiết: Sản xuất gia công và lắp ráp bộ dây dẫn điện	2733
93.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp sản phẩm điện - điện tử, thiết bị chiếu sáng	2740
94.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ (Luật chuyển giao công nghệ 2017)	7490

95.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. -Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng;	4329
96.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
97.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất; - Bán buôn dược phẩm (Luật Dược năm 2016);	4649
98.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
99.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
101.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
102.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
103.	Xây dựng công trình điện	4221
104.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
105.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
106.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
107.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
108.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
109.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
110.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820
111.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
112.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
113.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
114.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
115.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

116.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
117.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
118.	Phá dỡ	4311
119.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
120.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
121.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động của Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, Phòng X- Quang	8620
122.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)	8610
123.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
124.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
125.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
126.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ các loại nhà nước cấm)	2599
127.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
128.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
129.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
130.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
131.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
132.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
133.	Xây dựng nhà để ở	4101
134.	Xây dựng nhà không để ở	4102
135.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
136.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
137.	Cho thuê xe có động cơ	7710
138.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,	4390

139.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
140.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659(Chính)
141.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
142.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
143.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
144.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
145.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
146.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
147.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
148.	Khai thác và thu gom than non	0520
149.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
150.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
151.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
152.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
153.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
154.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
155.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
156.	Sản xuất đường	1072
157.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
158.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
159.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
160.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
161.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
162.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
163.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100

164.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
165.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
166.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
167.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
168.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
169.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
170.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
171.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
172.	Sản xuất máy luyện kim	2823
173.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
174.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;	2829
175.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
176.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan (trừ kim loại nhà nước cấm).	3212
177.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
178.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi Chi tiết: - Sản xuất, gia công: đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trừ tái chế phế thải, xi mạ điện và gia công cơ khí)	3240
179.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
180.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
181.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa	5222
182.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Bốc xếp hàng hóa đường bộ - Bốc xếp hàng hóa cảng sông - Bốc xếp hàng hóa cảng biển - Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt	5224
183.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
184.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
185.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
186.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
187.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
188.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523

189.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
190.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
191.	(đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH ĐỘ	Cụm 1, Xã Hiệp Thuận, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	50,000	001084017573	
2	HOÀNG TRUNG THÀNH	Tổ 16, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	50,000	001081023538	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH ĐỘ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001084017573

Ngày cấp: 16/08/2016

Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 1, Xã Hiệp Thuận, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu Vệ Lãng - Cây Sung, Thôn Tháp Thượng, Xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội